

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**
Số: 3260/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Định, ngày 31 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (TT. Diêu Trì) đến đường
Nguyễn Lữ (TT. Tuy Phước)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2614/STNMT-CCBVMT ngày 04/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (TT. Diêu Trì) đến đường Nguyễn Lữ (TT. Tuy Phước);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (TT. Diêu Trì) đến đường Nguyễn Lữ (TT. Tuy Phước) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 166/CV-BQL ngày 10/8/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1038/TTr-STNMT ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (TT. Diêu Trì) đến đường Nguyễn Lữ (TT. Tuy Phước) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Diêu Trì và thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tuy Phước;
- Chủ dự án;
- UBND thị trấn Diêu Trì;
- UBND thị trấn Tuy Phước;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN NÂNG CẤP ĐƯỜNG NGUYỄN BÌNH KHIÊM (TT. ĐIỀU TRÌ)
ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN LỮ (TT. TUY PHƯỚC)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm (TT. Điều Trì) đến đường Nguyễn Lữ (TT. Tuy Phước).
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Điều Trì và thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

1.2. Phạm vi, quy mô:

- Phạm vi:
 - + Điểm đầu tại Thôn Luật Lễ, thị trấn Điều Trì, tiếp giáp đường bờ đề hiện trạng, có tọa độ X = 1527810; Y = 597899;
 - + Điểm cuối tiếp giáp đường Nguyễn Lữ, thị trấn Tuy Phước, có tọa độ X = 1528834; Y = 599526.

- Quy mô:

- + Xây dựng công trình giao thông cấp IV, thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị TCVN 13592-2022. Tổng chiều dài tuyến đường L = 2.645 m.
- + Xây dựng hệ thống thoát nước và an toàn giao thông theo quy định.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Nền, mặt đường: nền đường đắp đất cấp phối sỏi đồi cấp III K95, bề rộng nền đường Bn = 7,5 m; mặt đường bằng BTXM M300 đá 2x4, bề rộng mặt đường Bm = 5,5 m.
- Hệ thống thoát nước mưa:
 - + Tại lý trình Km0+197,78 ÷ Km0+323,58: hoàn trả tuyến mương bê tông bên phải tuyến, tiết diện mương (50x80)cm, chiều dài L = 125,8 m.
 - + Tại lý trình Km0+552,82 ÷ Km0+778,58: hoàn trả tuyến mương bê tông bên phải tuyến, tiết diện mương (50x80)cm, chiều dài L = 225,76 m.
 - + Tại lý trình Km1+891,75 ÷ Km1+945,95: hoàn trả tuyến mương bên phải tuyến, tiết diện mương (50x80)cm, chiều dài L = 54,2 m.
 - + Tại lý trình Km2+302,06 ÷ Km2+305,76: xây dựng mới công bản bằng

bê tông cốt thép, có chiều dài 2,5 m, chiều rộng 7,5 m.

+ Bố trí 08 cống tròn D400mm, 03 cống tròn D500mm, 11 cống tròn D600mm và 01 cống tròn D80mm trên tuyến.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống an toàn giao thông.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công, xây dựng: bãi tập kết nguyên vật liệu có diện tích khoảng 1.038 m².

1.3.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng: 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít và các thùng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 0,73 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, ô nhiễm nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông; ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng mặt

bằng phát sinh khoảng 4.584,3 m³ (khoảng 124,3 m³ xà bần và 4.460 m³ đất bóc phong hóa). Thành phần chủ yếu là thực bì, đất, đá, xà bần,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 25,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 70 kg trong suốt quá trình thi công, xây dựng. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác: không.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động dung tích 2,5 m³ và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để thoát nước nhanh, tránh hiện tượng rửa trôi, lôi cuốn vật liệu, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, giải phóng mặt bằng mặt bằng: được vận chuyển đổ thải tại khu vực trống phía Đông Kho vật tư của Ban Quản lý nước sạch vệ sinh môi trường huyện Tuy Phước, thuộc khu phố Phong Thạnh, thị trấn Tuy Phước (tọa độ: X = 1528395; Y = 599107).

- Bố trí thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại mỗi công trường thi

công để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Thời gian thi công trong ngày từ 07h00 đến 11h00 và từ 13h30 đến 17h00; không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 – 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng các nội quy về an toàn lao động khi lập tiến độ thi công; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng.

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Chủ dự án

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

- + Điểm đầu Dự án, đoạn qua khu dân cư hiện trạng, (tọa độ: X = 1527812; Y = 597900).

+ Điểm giữa Dự án, đoạn qua khu dân cư hiện trạng, (tọa độ: X = 1527784; Y = 598126).

+ Điểm cuối Dự án, đoạn qua khu dân cư hiện trạng, (tọa độ: X = 1528843; Y = 599521).

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Quản lý chất thải rắn

Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực thực hiện Dự án; khắc phục các sự cố tai nạn lao động do hoạt động thi công gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.